

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ LỘC
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày: 24-5-2019.

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LỘC, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Trình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Phú
2. Ông Nguyễn Nhân Phái.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đoàn Anh Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lộc tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Hữu Lành, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2019, về ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1982. Địa chỉ: Thôn H, xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

2. *Bị đơn*: Anh Lê Viết S, sinh năm 1978. Địa chỉ: Thôn H, xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 12/02/2019 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chi Nguyễn Thị T trình bày:

Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Viết S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vinh Hiền, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế ngày 11/3/2003. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau. Từ đầu năm 2015 cho đến nay, anh S có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hòa giải nhưng không khắc phục được. Từ tháng 8/2017 cho đến nay vợ chồng sống ly thân, không quan tâm chăm sóc cho nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Viết S.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị T trình bày vợ chồng có 02 người con chung là Lê Như Q, sinh ngày 11/9/2004; Lê Đức P, sinh ngày 01/01/2009. Hiện nay cả 2 cháu đang ở với chị T. Chị T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 người con cho đến khi đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị T trình bày vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Kèm theo đơn khởi kiện, chị Nguyễn Thị T đã nộp các tài liệu, chứng cứ gồm: Bản sao trích lục kết hôn, bản sao trích lục giấy khai sinh cháu Lê Như Q, Lê Đức P; xác nhận nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chị T, anh S; bản sao chứng minh nhân dân của chị T.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải cho anh Lê Viết S nhưng trong thời hạn luật định anh S không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án và đều vắng mặt tại các buổi làm việc, phiên họp, phiên hòa giải.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương và gia đình, bà Trần Thị Tuyết M (mẹ anh S) cho biết đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án tổng đạt cho anh S gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải. Gia đình đã thông báo, giao lại các văn bản trên cho anh S, anh S cũng có nguyện vọng muốn ly hôn chị T do mâu thuẫn vợ chồng không khắc phục được nhưng do bận công việc làm ăn nên anh S không đến Tòa án, bà M đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt anh S theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa ngày 08/5/2019, anh S vắng mặt nên Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa, ấn định mở lại phiên tòa vào ngày 24/5/2019, đồng thời tổng đạt Quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập anh S theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh S tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ tố tụng, không có mặt tại các phiên họp, phiên hòa giải, vắng mặt tại các phiên tòa không rõ lý do làm ảnh hưởng đến tiến độ giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu của chị T về việc xin ly hôn anh S; chấp nhận yêu cầu của chị T về việc nuôi con chung, giao cháu Lê Như Quỳnh, Lê Đức Phát cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; chị T trình bày vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không xem xét; nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa, nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo quy định tại các Điều 175, Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự, việc Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập anh Lê Viết S là hợp lệ nhưng anh S đều vắng mặt tại các phiên họp, phiên hòa giải, phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào yêu cầu khởi kiện và tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để tiến hành giải quyết vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Viết S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế ngày 11/3/2003. Do đó quan hệ hôn nhân giữa chị T, anh S là hợp pháp. Vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã xúc phạm lẫn nhau. Chị T cho rằng anh S có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Mặc dù đã được gia đình hòa giải nhưng mâu thuẫn vợ chồng không khắc phục được. Từ tháng 8/2017 đến nay hai người sống ly thân, cuộc sống của ai người đó tự lo liệu không ai quan tâm, chăm sóc cho nhau chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T, anh S đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

[2.2] Về việc nuôi con chung: Xét yêu cầu nuôi con của chị T thấy rằng: Hiện cả 02 cháu Lê Như Q, sinh ngày 11/9/2004; Lê Đức P, sinh ngày 01/01/2009 đang do chị T nuôi dưỡng, các cháu cũng có nguyện vọng được ở với chị T nên giao cả 2 cháu cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi là phù hợp với thực tế và nguyện vọng của 2 cháu.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình thì khi ly hôn cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con; mặc dù đã được Hội đồng xét xử giải thích nhưng chị T không yêu cầu và cam đoan đủ điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng con chung nên không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị T trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Nguyễn Thị T. Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Lê Viết S.

2. Về việc nuôi con chung: Giao cháu Lê Như Q, sinh ngày 11/9/2004; Lê Đức P, sinh ngày 01/01/2009 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh Lê Viết S không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Lê Viết S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/006438 ngày 12/02/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế. Chị T đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND huyện Phú Lộc;
- Chi cục THADS huyện Phú Lộc;
- UBND xã V;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Trình